

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CIO	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
2		TD1+P1	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		CIO+CTK3+P2	9:25	13+7+0	0+0+0		13+0+8	0+0+0	
4		TD1+P2+BK3	9:25	10+0+12	0+0+0		7+0+0	0+0+0	CHUYỂN 3 P2- BK3

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - CLO	CREW: Hạnh - Linh - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

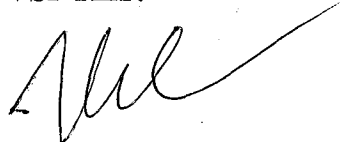
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LANG	TD2	03	1	5		64	T-TIN	Vietnamese
2	HOANG VAN PHUONG	TD2	09	1	9		61	PSV	Vietnamese
3	PHAN DINH NHAT	TD2	04-05	2	20	55	70	BAKER HU	Vietnamese
4	NGUYEN HONG SON	TD2	01-02	2	15		80	BAKER HU	Vietnamese
5	PHAM NGUYEN THANH KHOA	TD2	06-07	2	18		81	BAKER HU	Vietnamese
6	VOROBIEV	CLO	70	1	6		90	KHOAN	Russian
7	ĐINH XUÂN PHU	CLO	52	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	64	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN TRUNG	CLO	57	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY NAM	CLO	65	1	3	30	71	KHOAN	Vietnamese
11	VU MINH TU	CLO	58	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẬU VĂN MINH	CLO	56	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
13	NG. CHIẾN THẮNG*PK-PVD	CLO	62-63	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VĂN MẠNH*PK-PVD	CLO	66	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	CLO	67	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO HUY BÌNH	CLO	55	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
17	CAO VĂN VIỆT	CLO	53	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	54	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM THẾ TÂM	CLO	59-60	2	13		79	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN QUANG HIEN	CLO	69	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HUNG	CLO	68	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN KHOA	CLO	61	1	4		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

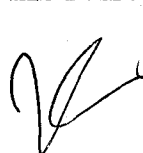
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	8	67	356	55	1		
2	CLO	17	19	101	1.240	30	21		
TOTAL		22	27	168	1.596	85	22		
WEIGHT KG				168	1.596	85			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

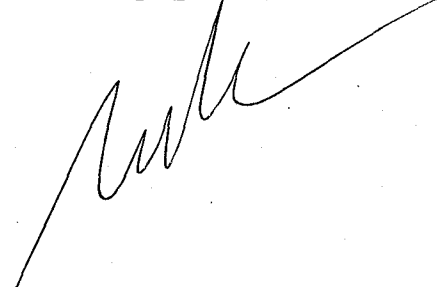
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - P1	CREW: ĐỨC - VTHU - TDUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN V.B	TD1	54	1	15		164	KHOAN	Russian
2	SMAKOV A.A	TD1	51	1	8		82	KHOAN	Russian
3	BUI NGOC QUANG	TD1					60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	TD1	39	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1					68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	38	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN NAM*PK-PVD	TD1	45	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NGUYEN	TD1	44	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH SON	TD1	37	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HAI	TD1	46-47	2	9	35	68	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ANH TUAN	TD1	50	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUY	TD1	40	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN LUAN	TD1	36	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN MANH HUNG	TD1	52	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH NAM	TD1	42-43	2	8		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	48	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THANH TUAT	TD1	41	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN HUY QUANG	TD1	35	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN MANH TIET	TD1	34	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG THUC	TD1					63	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN QUANG LUONG	TD1	53	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
22	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	49	1	8		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	21	122	1.640	35	21		
2	P1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	122	1.640	35	22		
WEIGHT KG				122	1.640	35			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: CLO - CTK3 - P2	CREW: Hạnh - Linh - PTUẤN	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG BÀ TUẤT	CLO	74	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ TRƯỞNG GIANG	CLO	75	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	83	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	77	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI XUÂN DUY	CLO	82	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH TUẤN	CLO	76	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
7	NG HỮU TÀI*CAM-PVDT	CLO	86	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	LÂM XUÂN TỬ	CLO	81	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN HUY NINH*MC-PVD	CLO	84-85	2	11		58	KHOAN	Vietnamese
10	ĐANG VIỆT CUÔNG	CLO	78	1	9		65	D-HANH	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	73	1	6		58	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HOAN	CLO	79	1	9		75	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TUYẾN	CLO	80	1	10		60	DVL	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HÙNG	CTK3	62	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM MINH VŨ	CTK3	56-57	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
16	LÀ TUẤN LINH	CTK3	64	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT LỘC	CTK3	60-61	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MINH TÂM	CTK3	65-66	2	12	30	62	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN PHÚC	CTK3	63	1	12	35	73	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG NGỌC ANH CHIẾN	CTK3	58-59	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	14	92	901	0	13		
2	CTK3	7	11	94	474	65	0		
3	P2	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		20	25	186	1.375	105	21		
WEIGHT KG				186	1.375	105			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

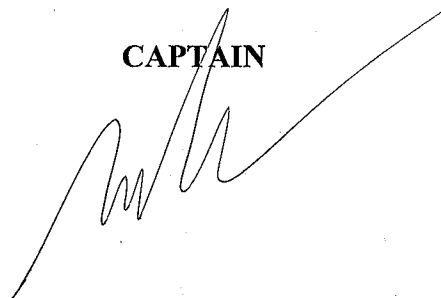
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: TD1 - P2 - BK3	CREW: Hôi - KHOAN - Năm	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	63	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
2	VU QUY VINH	TD1	65	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
3	NG XUAN TAO-PVDT	TD1	57	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
4	LY XUAN TONG	TD1	59	1	6		64	DMC	Vietnamese
5	TRAN ANH VINH	TD1	60	1	7		58	DVL	Vietnamese
6	ĐO THANH HAI	TD1	58	1	6		67	DVL	Vietnamese
7	TRAN VAN GIANG	TD1	62	1	8		72	DVL	Vietnamese
8	VUONG KIEN QUOC	TD1	61	1	5		77	DVL	Vietnamese
9	LUU BA XO	TD1	66-67	2	15		81	DVL	Vietnamese
10	VU XUAN CANH	TD1	64	1	11		65	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN NHUAN	BK3	50-51	2	15		52	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DUY PHUONG	BK3	45-46	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN CONG QUYNH	BK3	57-58	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN TUNG	BK3	56	1	12		56	XAYLAP	Vietnamese
15	LE HONG HAN	BK3	52-53	2	15	40	64	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN THANH TUNG	BK3	44	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGO VAN TUAN	BK3	49	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN XUAN DUONG	BK3	48	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	LUONG VAN VIET	BK3	60-61	2	12		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN SY MY	BK3	59	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN KHANH	BK3	54-55	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN GIA HIEU	BK3	47	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	11	84	684	0	7		CHUYEN 3 PAX P2 SANG BK3
2	P2	0	0	0	0	40	0	40	
3	BK3	12	18	168	759	40	0		
TOTAL		22	29	252	1.443	80	7		
WEIGHT KG				252	1.443	80			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD2	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
2		TD5+TD2	7:25	21+1	0+0		18+4	0+0	
3		TD3+TD5	9:25	15+7	0+0		15+6	0+0	
4		TD2+BK5+BK6	9:25	21+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	CHUYỂN 2 BK5-BK6

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P5 - TD2	CREW: Hạnh - CHIẾN - Vũ	ETA: 09:20
CAM-1			

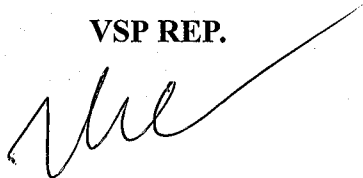
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	P5					70	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	P5	07	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC TUẤN	P5					67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HUNG	P5	08	1	3	70	65	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN DOANH	P5					70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO VĂN PHAN	P5	10	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MINH HIẾU	P5	04-05	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HAO	P5	06	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUYẾT TIỀN	P5	03	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	09	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	02	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH CÔNG	P5	01	1	4		67	PSV	Vietnamese
13	GROMOV S.A	TD2	53	1	5		82	KHOAN	Russian
14	FOK SERGEY	TD2	55	1	8		105	KHOAN	Russian
15	ĐỖ XUÂN VANG*TT	TD2				55	77	KHOAN	Vietnamese
16	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	56	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	50	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	51	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ VĂN THUY	TD2	52	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	49	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	TRƯƠNG THANH TUNG	TD2	54	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	12	10	43	841	70	11		
2	TD2	10	8	45	753	55	11		
TOTAL		22	18	88	1.594	125	22		
WEIGHT KG				88	1.594	125			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

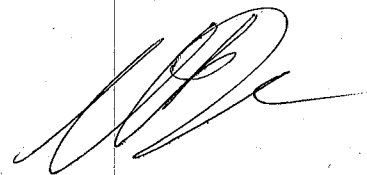
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD5 - TD2	CREW: TUYỀN - TTrung - HIẾU	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5	53	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU Y	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN TAI	TD5	46	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYEN LOC	TD5	48	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	TD5	43	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN BA HOA	TD5	47	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUY DEC	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH ANH TRUONG	TD5	60	1	5	70	65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LOC	TD5	49	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE VU NGOC	TD5	39	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN HANH	TD5	54	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	LE VIET THANG	TD5	58	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN DAI DUONG	TD5	41	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG ANH	TD5	59	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	TD5	52	1	10		65	DVL	Vietnamese
16	TRAN VAN DU	TD5	42	1	3		50	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN BAO	TD5	44-45	2	15		77	YTE	Vietnamese
18	HO VAN ANH	TD5					75	PSV	Vietnamese
19	NGO VAN THANH	TD5	50-51	2	15		72	PSV	Vietnamese
20	DINH VAN THANG	TD5	57	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	DINH VAN HOAI	TD5	56	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	BUI TRUNG THO	TD2				30	70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	20	120	1.480	70	18		
2	TD2	1	0	0	70	30	4		
TOTAL		22	20	120	1.550	100	22		
WEIGHT KG				120	1.550	100			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD3 - TD5	CREW: Hạnh - CHIẾN - Vũ	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	92	1	10	18	68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD3	86	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3				40	70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	83	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC HOAN-PK-PVDO	TD3	91	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	82	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ HÙNG ANH	TD3	88	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
9	HA VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	81	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
12	LUÔNG HÙNG TRIẾT	TD3	90	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUYNH TRUNG	TD3	89	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	87	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	LUÔNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	84	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	68	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG LAN	TD5	71	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LUÔNG SƠN	TD5	66	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	65	1	3		85	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	70	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	69	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	67	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

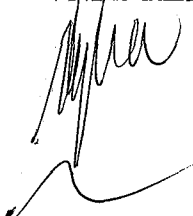
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	12	82	1.127	58	15		
2	TD5	7	7	33	493	0	6		
TOTAL		22	19	115	1.620	58	21		
WEIGHT KG				115	1.620	58			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

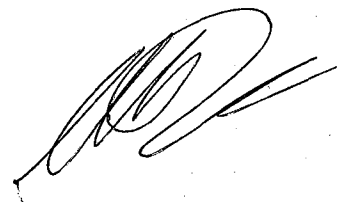
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	TO: TD2 - BK5 - BK6	CREW: TUYỀN - TTrung - HIẾU	ETA: 11:45
Xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	70	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	72	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	62	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	79	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	73-74	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	76	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	61	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD2	78	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN LỢI	TD2	60	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VĂN DIỆP	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	77	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH QUỐC KHANH	TD2	64	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH DUY HAI	TD2	75	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
14	DO VAN TIEN	TD2	81	1	5		44	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	63	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	66-67	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC VIỆT-CAM-PVDT	TD2	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN LỘC	TD2	71	1	9		81	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	68-69	2	18		83	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN SƠN	TD2	82	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
21	ĐÌNH EM	TD2	80	1	3		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	23	124	1.492	0	20		CHUYỂN 2 PAX BK5 SANG BK6
2	BK5	0	0	0	0	60	0+2		
3	BK6	0	0	0	0	55	0		
TOTAL		21	23	124	1.492	115	20		
WEIGHT KG				124	1.492	115			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+RC5+RCDM	7:25	9+8+5	0+0+0		5+10+5	0+0+0	
2		RP3+TD3-CTK3	7:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
3		P10+P9+TD5	7:25	4+0+18	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
4		T.UNG	7:25	18	0		16	0	
5		RP1+RP3	9:25	9+13	0+0		9+13	0+0	
6		JS2+RP2	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
7		TD5+RP3	9:25	6+15	0+0		0+20	0+0	
8		RC4+RP2	11:25	9+13	0+0		5+14	0+0	
9		RP2+RC3+BK4	11:25	3+8+9	0+0+0		0+7+12	0+0+0	
10		RC6+RP1	11:25	5+17	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY RC6-4NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RC6 - RC5 - RCDM	CREW: Phong - Duong - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

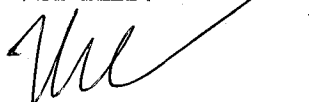
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH HẢI	RC6	68	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TIN	RC6	71-72	2	12		94	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	70	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THĂNG	RC6					67	KH-THAC	Vietnamese
5	BAEV	RC6					85	ANTOAN	Russian
6	BESPALOV A	RC6	67	1	3		85	NIPI	Russian
7	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RC6	69	1	2		70	NIPI	Vietnamese
8	CHU DUC HUNG	RC6	65-66	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HA	RC6	64	1	4		76	PSV	Vietnamese
10	ĐAM VĂN QUANG	RC5	79	1	10	60	62	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO THANH HỢP	RC5	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ VĂN ĐỒNG	RC5	73-74	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	77	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC5	76	1	4	5	56	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	75	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH HOA	RC5	80	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	78	1	5		76	PSV	Vietnamese
18	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	91	1	6	60	71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUẬN	RCDM	92	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	90	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẠ	RCDM					71	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ VĂN THANH	RCDM					68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	9	9	46	680	0	5		
2	RC5	8	9	44	537	65	10		
3	RCDM	5	3	15	360	60	5		
TOTAL		22	21	105	1,577	125	20		
WEIGHT KG				105	1,577	125			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

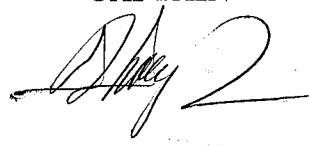
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP3 - TD3 - CTK3	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	RP3	31	1	4	100	54	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ HỒ HAI	RP3	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐỒNG	RP3	33	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	30	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	34-35,17	3	20		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					78	PVGAS	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG LINH	RP3	18-19	2	7		73	PVGAS	Vietnamese
8	PHAN HOANG LAM	TD3	01-02	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG TUYẾN*TT	TD3	11	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DỪNG	TD3	12	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	14	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD3	03	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3				7	75	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN NGHIA	TD3	13	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ SỸ HÙNG	TD3	10	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	06	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	04-05	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT THANH LUÂN*CAM-PVDT	TD3	08-09	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY KHIEM	TD3	07	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
20	TẠ HOAI TRANG	TD3	17	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
21	ĐỖ TIẾN DỪNG	TD3	15-16	2	10		60	DVL	Vietnamese
22	AZMAN BIN M,FADZIL	CTK3	01-02	2	17		68	KHTHAC	Malaysian

FLIGHT PLAN

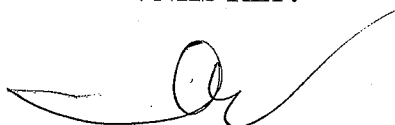
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	9	51	480	100	5		
2	TD3	14	17	97	987	7	16		
3	CTK3	1	2	17	68	0	0		
TOTAL		22	28	165	1.535	107	21		
WEIGHT KG				165	1.535	107			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

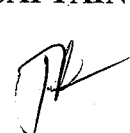
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P10 - P9 - TD5	CREW: Vận - VLin - Huy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG VĂN DƯƠNG	P10	37	1	4		80	NIPI	Vietnamese
2	PHAM ĐÌNH THẮNG	P10	39-40	2	10		81	NIPI	Vietnamese
3	VŨ VĂN TRONG	P10	28	1	10	30	68	NIPI	Vietnamese
4	CÔNG ĐỨC TÂM	P10	41	1	5		66	NIPI	Vietnamese
5	LƯƠNG MINH PHỤNG*TT	TD5	73-74	2	16		60	KHOAN	Vietnamese
6	ZHADOROZNY V.E	TD5	88	1	6		99	KHOAN	Russian
7	DƯƠNG THANH TUNG	TD5	86	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	PAVLUCHEV V.O	TD5	87	1	5		92	KHOAN	Russian
9	ĐO VĨNH CƯỜNG	TD5	75	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC LINH	TD5	81	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT THANH	TD5	76	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN TIẾN	TD5	79	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	72	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TÂN BÌNH	TD5	80	1	3	20	77	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	83	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NG VÂN DŨNG*CAM-PVDT	TD5	78	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	77	1	6		76	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD5	85	1	5		60	DVL	Vietnamese
21	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD5	90	1	12		56	DVL	Vietnamese
22	TRƯƠNG ĐÌNH VỊNH	TD5	89	1	7		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	5	29	295	30	0		
2	P9	0	0	0	0	18	3		
3	TD5	18	19	109	1.288	20	19		
TOTAL		22	24	138	1.583	68	22		
WEIGHT KG				138	1.583	68			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:27
FLIGHT: 04	TO: T.UNG	CREW: KIÊN - Toàn	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TUAN	T.UNG	28	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM DUY CHUNG	T.UNG	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HOA	T.UNG	25-26	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN LAM	T.UNG	23-24	2	24		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DOAN DUC	T.UNG	22	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
6	MAKSIMOV	T.UNG	34	1	9		115	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN QUANG TUYEN	T.UNG					62	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRONG SON	T.UNG	30	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH TRI	T.UNG					73	KH-THAC	Vietnamese
10	KHONG THAI BINH	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH TUNG	T.UNG	31	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY CONG	T.UNG	33	1	10		49	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUY DUC	T.UNG					63	KH-THAC	Vietnamese
15	KLY	T.UNG	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VU QUANG THONG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	29	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	VU TIEN VINH	T.UNG	32	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	15	104	1.252	0	16		
	TOTAL	18	15	104	1.252	0	16		
	WEIGHT KG			104	1.252	0			

GRAND TOAL: 1.356 KGS

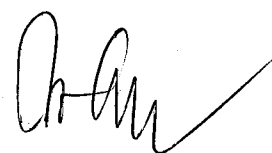
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: RP1 - RP3	CREW: Phong - Dương - Toan	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	ZAKHARIN	RP1	11	1	8		108	KH-THAC	Russian
3	TRẦN TUẤN ANH	RP1	10	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÂN	RP1	17	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	14	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH MINH SANG	RP1	16	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	09	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN THANH	RP1	13	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	15	1	4	40	65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO VIỆT HAI	RP3	41	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	DU TRẦN HÙNG	RP3	38	1	8	21	75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	29	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	33	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUY HAI	RP3	42	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	37	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	32	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN HỎI	RP3	39	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	40	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	35	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ TRONG LINH	RP3	30-31	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	9	52	695	40	9		
2	RP3	13	14	82	927	21	13		
TOTAL		22	23	134	1.622	61	22		
WEIGHT KG				134	1.622	61			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: JS2 - RP2	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 11:15
CAM-2			

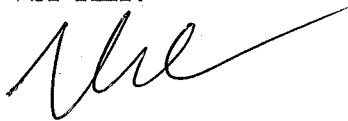
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG THUẬN	JS2	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN THỨC	JS2	28	1	4	57	84	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI SY HIẾU	JS2	29	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠU HUY HOANG	JS2	31-32	2	18		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH LUÂN	JS2	27	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG NGOC THANH	JS2	30	1	7		101	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG XUAN THANH	JS2	33	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOANG LONG	JS2	34-35	2	20		78	NIPI	Vietnamese
9	NGUYỄN XUAN QUYNH	JS2	44	1	5		64	GETRACO	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	15	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUNG CUÔNG	RP2	14	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	CHERNIAVSKIY D S	RP2	10	1	14		108	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	05	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	12-13	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG ANH HUNG	RP2	04	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	02-03	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	07-08	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TÂN TÀI	RP2				33	74	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ LAM	RP2	01	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

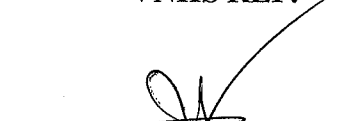
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	9	11	72	653	57	8		
2	RP2	13	15	101	958	33	14		
TOTAL		22	26	173	1.611	90	22		
WEIGHT KG				173	1.611	90			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: TD5 - RP3	CREW: Vận - VLinH - Huy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHUCK	TD5	95	1	12		115	KH-THAC	Russian
2	TRẦN ĐỨC SƠN	TD5	96	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	TD5	97	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI XUÂN TRƯƠNG	TD5	92	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TRỌNG NHIÊN	TD5	93	1	11		51	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THAI THANH	TD5	94	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	92	1	5	90	68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUANG THANH	RP3	98	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO ĐỨC THANH	RP3	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH TÂN NGON	RP3	87	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HIÊN	RP3	25	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LAM	RP3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TUNG *TT	RP3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ CHI KIẾN	RP3	91	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LE MANH HUNG	RP3	88-89	2	8		71	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU CÔNG	RP3	90	1	5	7	77	ANTOAN	Vietnamese
18	LUONG THE HIEN	RP3	97,99	2	20		69	NIPi	Vietnamese
19	HỒ NGỌC THANH	RP3	94	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN LỰC	RP3	06	1	7		70	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN PHÚC	RP3	96	1	8		90	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TIEN	RP3	27	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

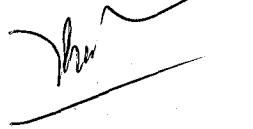
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	66	464	0	0		
2	RP3	16	18	107	1.153	97	20		
TOTAL		22	24	173	1.617	97	20		
WEIGHT KG				173	1.617	97			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: RC4 - RP2	CREW: Phong - Duong - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

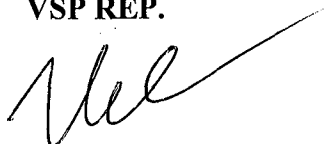
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	26	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI NGOC LONG	RC4	27	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC4	25	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RC4	24	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO QUANG HUNG	RC4	32	1	8	33	110	CODIEN	Vietnamese
6	VÔ NGỌC THAI SON	RC4	30	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ VĂN TU	RC4	74,23	2	12		58	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	28-29	2	15		57	PSV	Vietnamese
9	VŨ PHƯƠNG HUY	RC4	31	1	7		62	DK9	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	25	1	4	55	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	18	1	4		48	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	28-29	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN SAU	RP2	24	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHI CÔNG	RP2	26	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC LAN	RP2					82	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	22	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	23	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU QUÂN	RP2	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	27	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	21	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH	RP2	20	1	7		68	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

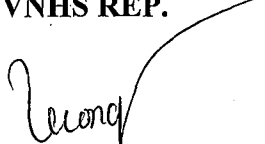
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	9	11	81	611	83	5		
2	RP2	13	12	59	882	55	14		
TOTAL		22	23	140	1.493	138	19		
WEIGHT KG				140	1.493	138			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: RP2 - RC3 - BK4	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 13:15
cam-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRONG TUÔNG	RP2	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ARTIUSHIN	RP2	79	1	10		95	ANTOAN	Russian
3	VO HOANG CAM	RP2	81	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VU LE TRUNG	RC3	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NG TRUONG NHAT MINH	RC3	12	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO KHANH NAM	RC3	16-17	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRUNG KIEN	RC3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGUYEN	RC3	13	1	7	20	70	NIPI	Vietnamese
10	ĐÀO XUÂN THỌ	RC3	19	1	5	50	70	GETRACO	Vietnamese
11	LE HUU THI	RC3	20-21	2	8		75	GETRACO	Vietnamese
12	PHẠM ĐỀ	BK4	36	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TOÀN	BK4	32	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH VŨ	BK4	54-55	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	BK4	38	1	7	20	58	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN HỌC	BK4	35	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HOÀN	BK4	56	1	14	40	63	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ MẠNH THẮNG	BK4	30-31	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG XUÂN THẮNG	BK4	33-34	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN KIM THÔNG	BK4	37	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	3	25	239	0	0		
2	RC3	8	10	55	568	70	7		
3	BK4	9	12	125	591	60	12		
TOTAL		20	25	205	1.398	130	19		
WEIGHT KG				205	1.398	130			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: RC6 - RP1	CREW: Vận - NPhú - Huy	ETA: 13:20
NAU-3			

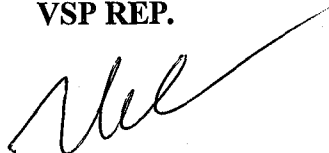
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG HUY	RC6	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CU	RC6	75-76	2	17		73	PSV	Vietnamese
3	VŨ BÀ NÈP	RC6	73	1	14	90	64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN XUÂN THÀNH	RC6	77	1	17		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RC6	74	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI KHANH	RP1	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	38	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	33	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HA QUỐC HOÀN	RP1	35	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	34	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	36	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BÀ TÀI	RP1	44	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀNG THANH DÂN	RP1	45	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	40	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	37	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI DOÀN BÌNH	RP1	46-47	2	17		80	NIPi	Vietnamese
21	ĐẶNG BÀ ĐIỀU	RP1	41	1	5		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

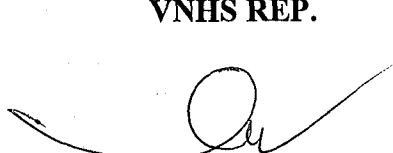
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	6	62	328	90	5		
2	RP1	16	16	100	1.150	0	17		
TOTAL		21	22	162	1.478	90	22		
WEIGHT KG				162	1.478	90			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

